

NHỮNG ĐÓNG GÓP CỦA PHẬT TỬ HOÀNG TỘC VỚI PHẬT GIÁO VÀ XÃ HỘI THỜI LÝ (Trường hợp Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ỗ Lan)

Tóm tắt: Trải qua các triều đại phong kiến Việt Nam, thời kỳ nào trong hoàng tộc cũng có những người yêu mến và tu theo Phật giáo. Đây là một trong những yếu tố quan trọng để Phật giáo Việt Nam không ngừng lớn mạnh, khẳng định vai trò quan trọng với sự phát triển của tôn giáo nói riêng và xã hội nói chung trong mỗi thời kỳ lịch sử. Bằng phương pháp tiếp cận Sử học tôn giáo, phương pháp khái quát hóa trong nghiên cứu Phật học và Tôn giáo học, thông qua nghiên cứu những đóng góp của một số Phật tử hoàng tộc triều Lý, cụ thể qua hai nhân vật - Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ỗ Lan, chỉ ra vai trò của một số Phật tử hoàng tộc đối với Phật giáo và xã hội thời Lý nói riêng, góp phần vào quá trình phát triển của Phật giáo Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Phật giáo, thời Lý, Phật tử hoàng tộc, Lý Thánh Tông, Nguyên Phi Ỗ Lan

Đặt vấn đề

Trong tiến trình lịch sử Phật giáo Việt Nam, Phật giáo thời Lý (1009-1225) được nhìn nhận một cách tổng quát là một trong những thời kỳ phát triển nhất trong các triều đại phong kiến ở Việt Nam. Phật giáo thời Lý mang đậm màu sắc của sự dung hợp tam giáo với tín ngưỡng, văn hóa bản địa, là biểu hiện của mối quan hệ giữa chính trị - tôn giáo trong lịch sử Việt Nam. Bởi vậy, có thể dễ dàng nhận thấy rằng, các vị vua nhà Lý từ Lý Thái Tổ đều rất sùng bái Phật giáo, từ đây, tạo ra một tầng lớp gọi là Phật tử hoàng tộc nhà Lý, là những

* ĐĐ Thích Đức Cường, Học viên Cao học, Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội.
Ngày nhận bài 5/7/2024; Ngày biên tập: 10/7/2024; Duyệt đăng: 25/9/2024.

người không những có quyền lực về chính trị, mà còn có quyền lực tôn giáo, những người có ảnh hưởng đến sự phát triển của kinh tế - xã hội và văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo. Cùng với việc tăng cường sự phát triển về vật chất, Phật giáo triều Lý cũng đóng góp vào phát triển văn hóa và văn học Việt Nam thông qua việc dịch và sáng tác các tác phẩm văn học, triết học về Phật giáo.

Từ những bối cảnh về kinh tế - xã hội thời Lý đã tạo tiền đề cho sự phát triển của tôn giáo, cũng là một triều đại đưa Phật giáo nhập thể vào mọi mặt của đời sống xã hội. Trong sự đan xen giữa các tôn giáo Nho-Phật-Đạo, nhưng Phật giáo vẫn khẳng định được vị thế, trở thành một trong những hệ tư tưởng quan trọng. Bởi lẽ, những vị vua nhà Lý, đồng thời cũng là một nhà sư, một phật tử, họ rất sùng Phật giáo, cho nên, Phật giáo có ảnh hưởng hầu hết đến các chính sách an sinh xã hội, giáo dục, văn học - nghệ thuật, đạo đức,..., tạo ra một xã hội đức trị, hướng thiện theo tinh thần Phật giáo.

Lý Thánh Tông (1023-1072), vị vua thứ 3 của triều Lý, ông trị vì từ tháng 11/1054 đến khi qua đời, đồng thời, ông cùng với sư Thảo Đường đã sáng lập và lãnh đạo thiền phái Thảo Đường. Vua Lý Thánh Tông gắn liền với việc đổi tên nước là Đại Việt, trở thành một tên gọi quen thuộc và danh tiếng trong lịch sử Việt Nam. Thái hậu Ý Lan (1044-1117) là một trong những nhân vật quan trọng và nổi bật trong lịch sử Việt Nam, đặc biệt, trong thời kỳ nhà Lý trị vì. Thái hậu Ý Lan được biết đến với vai trò quan trọng trong việc đề cao Phật giáo và đã đóng góp lớn trong việc xây dựng các chùa chiền, trường học và các cơ sở văn hóa, giáo dục. Công trạng của bà đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển văn hóa và giáo dục ở Việt Nam thời kỳ đó. Như vậy, cả Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ý Lan là hai nhân vật lịch sử có những đóng góp quan trọng không những trên phương diện xây dựng chính quyền nhà nước Đại Việt, mà còn góp phần trong xây dựng và phát triển Phật giáo, tạo nền tảng đạo đức xã hội trên tinh thần nhân ái, nhân văn, đạo pháp gắn liền với quốc gia, dân tộc Việt Nam.

Nghiên cứu về những đóng góp của Phật giáo thời Lý nói chung, các nhân vật điển hình với Phật giáo thời Lý nói riêng cũng có rất nhiều tác giả đã đề cập đến. Trước hết, cần kể đến tác phẩm *Lý*

Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý, Hoàng Xuân Hãn (1950), công trình đã phân tích sâu và cụ thể về bối cảnh nhà Lý kháng chiến chống Tống và chinh phạt Chiêm Thành. Tài liệu cũng có ghi chép về việc Ý Lan thay vua giúp việc nước khi vua Lý Thánh Tông đi đánh giặc Chiêm. Tác giả Mật Thể (1960), với *Việt Nam Phật giáo sử lược*, đã có những nhận định về vai trò của các vị vua nhà Lý với Phật giáo cũng như các nhà sư điển hình gắn liền với họ. Tuy vậy, vì là sách viết về lịch sử Phật giáo nên chưa có sự tổng hợp khái quát, đầy đủ về đóng góp của phật tử hoàng tộc, chúng tôi xem như một tài liệu tham khảo quý giá. Nguyễn Lang (1973), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, có ghi chép về thiền phái Thảo Đường của Lý Thánh Tông. Nguyễn Đại Đồng (2010), với *Những đóng góp của Phật giáo thời Lý đối với Thăng Long - Hà Nội*, trong Hội thảo: *Văn học, Phật giáo với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, đã luận giải về sự nghiệp chính trị của vua Lý Thái Tổ, về chính sách đối nội của các vua Lý; về vai trò của các thiền sư trong việc truyền đạo, đồng thời, luận giải về tinh thần từ bi cứu thế của Phật giáo thời Lý trong xây dựng xã hội khoan dung, hòa đồng. Ngoài ra, trong Kỷ yếu hội thảo này còn các bài viết khác như: Nguyễn Thông Thức (2010), *Một số quan điểm triết lý nhập thế của các vị thiền sư góp phần xây dựng dân tộc trong giai đoạn triều đại nhà Lý*; Nguyễn Công Lý (2010), *Phật giáo thời Lý - Trần với bản sắc dân tộc Đại Việt*. Bên cạnh đó, còn một số bài viết lẻ tẻ như Trần Đức Cường, Nguyễn Thị Thơm (2020), *Phật giáo thời Lý với đảm bảo an sinh xã hội*; Đặng Thị Đông (2021), *Những thành tựu giáo dục của Việt Nam thời Lý – Trần: Nhìn từ góc độ lấy Phật giáo làm quốc giáo trên nền tảng giáo dục Tam giáo đồng nguyên*; Lê Thị Hồng Liên (2021), *Đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Nguyên phi Ý Lan ở Hà Nội*; Nguyễn Trung Hiếu (2021), *Vai trò của giáo dục Phật giáo trong thời kỳ nhà Lý*; Thích Nhật Mỹ (2022), *Tinh thần Phật giáo và xây dựng xã hội “đức trị” thời nhà Lý ...* Tuy nhiên, các công trình mới chỉ dừng lại ở việc khảo tả, hay lược khảo về Phật giáo nhà Lý, còn về phật tử hoàng tộc nhà Lý đối với việc phát triển Phật giáo trong xã hội, nhất là thông qua hai trường hợp tiêu biểu là Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ý Lan thì chưa thật sự có một nghiên cứu nào đi sâu.

Vì vậy, nghiên cứu, bóc tách từ các khía cạnh Tôn giáo học, Phật học, Sử học tôn giáo,... về Phật giáo triều Lý, nhằm nhận định công lao của phật tử hoàng tộc thời đại triều Lý thông qua hai trường hợp tiêu biểu là Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ỗ Lan, là một trong những cách tiếp cận nhằm đánh giá chính xác hơn về vai trò và những đóng góp của hai nhân vật này cho Phật giáo, cho lịch sử dân tộc. Đồng thời, thông qua phân tích và tổng hợp, bài viết giúp hiểu thêm vai trò của phật tử triều Lý trong việc truyền bá, phát triển Phật pháp, tạo mạch nguồn cho Phật giáo Việt Nam hiện nay.

1. Vài nét về Phật giáo và phật tử hoàng tộc thời Lý

Phật giáo thời Lý được xem như là thời kỳ phát triển vượt bậc nếu so với thời Đinh - Tiền Lê. Những chính sách như: cung cấp ruộng đất, nơi ở cho nhà chùa/ các sư, tạo điều kiện cho sự phát triển của Phật giáo đã được phản ánh trong các sách sử. Trong bối cảnh phát triển rực rỡ của mình, Phật giáo thời Lý đã nhập thể tích cực vào đời sống quần chúng nhân dân lao động, cho nên: *“Sư sãi và tín đồ đạo Phật ở thời Lý chiếm tỷ lệ khá lớn. Sử cũ ghi, vào thời kỳ này “dân chúng quá nửa làm sãi”. Ngay từ khi triều Lý vừa mới thành lập được 2 năm mà vua Lý Thái Tổ đã “độ cho làm tăng hơn nghìn người ở kinh sư”. Triều đình nhà Lý rất quan tâm tới đạo Phật nên đã bỏ nhiều tiền công quỹ vào việc đúc chuông, tạc tượng và xây dựng nhiều chùa tháp trong nước”* [Trần Thị Vinh, 2013: 296]. Ngoài việc tài trợ xây dựng các công trình tôn giáo, triều đình cũng có các chính sách hỗ trợ Phật giáo, thúc đẩy việc học Phật pháp và khuyến khích việc tu tập. Điều này đã góp phần vào sự phổ biến và lan tỏa các giá trị của Phật giáo trong xã hội Việt Nam thời kỳ đó.

Trong thời gian hơn 200 năm tồn tại dưới triều Lý, Phật giáo đã tạo ra một màu sắc riêng, trong đó bao gồm cả sự dung hợp của tam giáo. Nhìn chung, tu tưởng cốt lõi của Phật giáo thời Lý vẫn là những quan điểm về: Từ - Bi - Hỷ - Xả; Bi - Trí - Dũng và chủ yếu được thể hiện qua các bài kệ, thơ, văn của các vị thiền sư như: Vạn Hạnh, Đa Bảo, Khuông Việt,... cũng như các vị quân vương như Lý Thái Tổ, Lý Thánh Tông,... Sự ảnh hưởng của Phật giáo thời Lý đã làm cho phương thức cai trị của chính quyền trung ương có sự khoan dung hơn so với những triều đại trước đó.

Phật tử hoàng tộc thời Lý dùng để chỉ những người tu tập Phật giáo là những vị vua, các hoàng tử, hoàng hậu, thái hậu,... trong hoàng tộc nhà Lý. Ngay từ khởi thủy của nhà Lý, từ vua Lý Công Uẩn đã là người được tiếp xúc và uơm mầm về Phật giáo ngay từ nhỏ, nên tinh thần, tư tưởng, đạo đức của ông đậm chất Phật giáo. Người có công lớn nhất trong việc đưa vua Lý Thái Tổ đến với Phật giáo đó là thiền sư Vạn Hạnh và thiền sư Đa Bảo. Hai vị thiền sư này được biết đến là những người thầy của Lý Công Uẩn. Thiền sư Đa Bảo đã tiên đoán được việc Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế thay thế Lê Đại Hành mở ra nhà Lý. Có thể nói, Thiền sư Đa Bảo cùng với Vạn Hạnh là những người đã dạy dỗ và tạo nên một con người, một ông vua kiệt xuất là Lý Công Uẩn, cho nên, sự thành công của Lý Công Uẩn phần lớn nhờ vào hai người này tạo bước đệm về cả trí tuệ và quyền lực, vì “Thái Tổ vốn ở trong phái Phật học mà ra nên khi ở ngôi vua, ngài hết sức sùng trọng Phật giáo. Ngay khi mới lên ngôi đã sắc ban phẩm phục cho các hàng Tăng sĩ” [Mật Thể, 1960: 117 – 118].

Từ thời Lý Thái Tổ đã sùng Phật đạo, rồi đến Lý Thái Tông lại càng sùng hơn nữa, đây là minh chứng cho việc phật tử hoàng tộc triều Lý hình thành và phát triển sớm ngay trong thời kỳ đầu. Sự kiện Lý Thánh Tông cùng tham gia thành lập phái Thảo Đường là một minh chứng nữa cho sự phát triển của Phật giáo thời Lý, mà tác giả Mật Thể đã cho biết: “Ngài biệt lập ra một phái, sau người ta gọi là phái Thảo Đường, tức là phái Thiền tôn thứ 3 ở ta vậy. Lý Thánh Tông cũng thọ giáo với ngài. Sau Thánh Tông đắc đạo được ngài truyền tâm pháp và là đệ tử đầu tiên của phái Thảo Đường. Sau phái Thảo Đường truyền xuống được 5 đời, đắc đạo cộng được 19 người. Thế là trong đời vua Lý Thánh Tông, Phật giáo ở nước ta lại thêm một phái.” [Mật Thể, 1960: 129-130].

Ngoài ra, phật tử hoàng tộc triều Lý phải kể đến Nguyên phi Ý Lan (1044-1117), đã góp phần phát huy giá trị Phật giáo như lòng từ bi, nhân quả và lòng nhân ái. Bà thường áp dụng triết lý này vào việc quản lý triều đình và hòa giải xung đột trong xã hội. Nguyên phi Ý Lan không chỉ là một người phụ nữ quyền lực trong lịch sử Việt Nam, mà còn là một nhà lãnh đạo có tầm nhìn và tư tưởng nhân văn. Những

đóng góp của bà đã để lại dấu ấn sâu sắc trong việc phát triển văn hóa, giáo dục và xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, đội ngũ tăng quan¹ nhà Lý cũng là những người có ảnh hưởng rất lớn đến vận mệnh của đất nước với vai trò cố vấn, tham mưu các chiến lược để phát triển đất nước, chống thù trong, giặc ngoài, trong truyền bá và tu tập Phật giáo thời Đại Việt.

Phật tử hoàng tộc triều Lý là một hệ thống của sự truyền thừa về tư tưởng Phật giáo trong triều đình qua các đời vua, quan, thiền sư,... Đội ngũ Phật tử hoàng tộc triều Lý và tăng quan đã góp phần làm cho Phật giáo thời Lý có nhiều bước phát triển rực rỡ, với tinh thần nhập thế, các giá trị nhân văn của Phật giáo đã được đưa vào mọi khía cạnh của đời sống chính trị - xã hội Đại Việt. Phật tử hoàng tộc thời nhà Lý đã đưa những giá trị đạo đức của Phật giáo vào đời sống hàng ngày, vào phương pháp tu tập như từ bi, khoan dung, nhân ái, và cứu giúp đời. Nhà sư và các vị chức sắc là những người giữ vai trò trung tâm trong việc truyền bá và giảng dạy Phật pháp, đồng thời, họ đã để lại nhiều tác phẩm về thơ, văn cho đời sau. Tuy nhiên, hiện nay, việc lưu giữ không còn nhiều, nhưng qua đó, có thể ghi nhận những đóng góp của các Thiền sư - Tăng quan trong Phật giáo thời Lý, trong đó cũng có Phật tử hoàng tộc là vua Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ỗ Lan.

2. Những đóng góp của Phật tử hoàng tộc nhà Lý với Phật giáo và xã hội

2.1. Một số đóng góp với Phật giáo

Một là, góp phần phát triển việc học Phật pháp và thiền đạo

Thiền phái Thảo Đường là một trong các thiền phái của Việt Nam được truyền bá bởi các thiền sư Trung Hoa², nên mang đậm sự dung hợp của Nho - Phật - Đạo. Thiền phái Thảo Đường được coi như thiền phái thứ ba, ra đời ở Việt Nam, đã tạo ra một môi trường tu tập và truyền bá Phật giáo nổi tiếng thời Lý Thánh Tông. Tuy nhiên, chưa có những quan điểm, tư tưởng, phương pháp tu tập một cách cụ thể, chi tiết và rõ ràng nhất của riêng thiền phái (như các phái Tì Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông), nhưng đã có những đóng góp không nhỏ vào việc phổ cập Phật pháp và thiền đạo ở Việt Nam trong nhiều thế kỷ.

Thiền phái Thảo Đường ra đời là nền tảng cho việc tu tập và truyền bá Phật giáo của vua Lý Thánh Tông và các Phật tử hoàng tộc triều Lý. Trường phái này là sự tổng hợp của giáo lý, giáo pháp của Phật giáo nhưng có sự dung hợp với tín ngưỡng dân gian nước Đại Việt bấy giờ, góp phần tạo nên những thành tựu nổi bật trong đời sống xã hội và chính trị dưới thời Lý Thánh Tông. Có thể ví, đây là một đạo tràng cho các cư sĩ tu tập, vì tinh thần chung nhất của Phật giáo là luôn đi tìm những người “đồng tu” và “đồng hành” khi tìm ra một phương pháp tu tập. Những tư tưởng, lý luận và phương pháp bấy giờ của Thiền phái Thảo Đường là phù hợp nhất cho hoàn cảnh “tam giáo đồng nguyên” hay sự giao thoa của các tôn giáo thời bấy giờ. Nên, *“ngoài việc thực hiện nền chính trị nhân đạo thân dân, vua Lý Thánh Tông còn là người để tâm đến đạo Phật. Vua đã cho xây cất nhiều chùa chiền và là người sáng lập phái Phật giáo Thảo Đường. Lý luận của Thảo Đường thỏa mãn sự đòi hỏi của vua muốn phát triển ý thức dân tộc, muốn độc lập, tự cường, chống sự xâm lăng của Bắc Tống, hòa hợp với Khổng học tạo nên sự thống nhất giữa ý chí và hành động của giới tu hành, thứ dân nhằm xây dựng nước Đại Việt hùng mạnh”* [Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, 2005: 89].

Vua Lý Thánh Tông và thiền sư Thảo Đường đã lấy chùa Khai Quốc (Trần Quốc)³ ở kinh thành Thăng Long làm nơi khai sinh ra Thiền phái Thảo Đường và phát triển làm cho hệ phái trở thành một trong ba hệ phái thiền trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Theo “Dấu ấn thiền phái Thảo Đường tại Đại Dương Sùng Phúc tự”, đây chính là nơi mà Lý Thánh Tông *“cùng Nguyên Phi Ỗ Lan đến chùa, đã đánh dấu bước đầu cho sự bén rễ của thiền phái Thảo Đường tại Đại Dương Sùng Phúc tự. Được chúng tôi khảo qua các tư liệu tư liệu cổ, cùng văn bia và hoành phi câu đối còn lưu tại chùa”* [Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2023] và *“... Thảo Đường Thiền sư được Lý Thánh Tông phong Quốc sư, trụ trì tại chùa Khai Quốc (nay là chùa Trần Quốc). Tuy nhiên Đại Dương Sùng Phúc tự nằm ở trung tâm Phật giáo Luy Lâu, và cũng là quê hương của Nguyên phi Ỗ Lan nên hoàng gia thường lui tới”* [Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2023]. Cũng theo Nguyễn Thị Ngọc Anh, trong sách *Lập nhật cúng Phật tổ nghi*, chép: *“Khai Quốc Thảo Đường thiền sư, Viên Thông Đại Diên pháp*

sur,....., Gia Lâm Tuệ Chiếu danh sư”. Đây đều là các danh tăng thuộc hệ phái Thảo Đường được Giáo sư Lê Mạnh Thát phát hiện trong cuốn Dấu ấn thiền phái Thảo Đường tại Đại Dương Sùng Phúc tự Lạp nhật cúng Phật tổ nghi đặc biệt, trong đó có Viên Thông Đại Diên pháp sư. Vào thời Lý, người thường lui tới chùa Sủi và được dân làng Sủi coi là trụ trì cũng nằm trong dòng truyền thừa đó.” [Nguyễn Thị Ngọc Anh, 2023]. Như vậy, chùa Sủi cũng là nơi để lại dấu ấn của thiền phái Thảo Đường, theo “Dấu ấn thiền phái Thảo Đường tại Đại Dương Sùng Phúc tự” thì Nguyên Phi Ý Lan là người kiến tạo nên ngôi chùa này và là người đã có vai trò xiển dương phát triển Phật giáo lúc bấy giờ.

Lý Thánh Tông đã thúc đẩy việc học Phật pháp và thiền đạo trong xã hội, đặc biệt, ông chú trọng việc giảng dạy Phật pháp và hướng dẫn tu tập của các tăng sĩ trong cung đình cũng như cho dân chúng. Lý Thánh Tông tin vào lợi ích của việc tu thiền đạo và tinh tấn trong tu tập. Ông khuyến khích các nhà sư và Phật tử thực hành thiền đạo như một phương tiện để giảm căng thẳng, tĩnh lặng tâm hồn và nâng cao ý thức. Việc thúc đẩy học Phật pháp và thiền đạo của Lý Thánh Tông không chỉ là một phần của văn hóa tinh thần, mà còn đóng vai trò trong việc xây dựng một xã hội đạo đức và tôn nghiêm.

Nhìn chung, sự ra đời của một tư tưởng nào đó, hay một tôn giáo, một trường phái nào đó đều nhằm đáp ứng những nhu cầu cấp thiết của xã hội đương thời, cho nên, việc ra đời của Thiền phái Thảo Đường lúc bấy giờ là phù hợp với nhu cầu của xã hội, nhu cầu của một triều đình trong việc sử dụng những tư tưởng tinh hoa của Phật giáo trong đời sống xã hội.

Sự ra đời của dòng thiền Thảo Đường đời Lý với Lý Thánh Tông được coi là đời thứ nhất của thiền phái này. Tuy nhiên, dòng Thiền này khó tồn tại bởi vì đương thời chỉ dành cho Phật tử hoàng tộc thời nhà Lý là chủ yếu [Thành hội Phật giáo Hải Phòng, 2007: 61]. Và dừng lại ở dạng văn, thơ, nên khó phổ biến trong quần chúng, bởi không phải quần chúng ai cũng là “trí thức” thời bấy giờ, nên họ khó hiểu được những tư tưởng của thiền phái này, nên rốt cuộc nó chỉ phù hợp trong phạm vi hoàng tộc nhà Lý mà thôi.

Có thể thấy, vai trò của vua Lý Thánh Tông trong việc tạo dựng và phát triển thiền phái Thảo Đường, thiền phái này không chỉ là nơi tu tập và truyền bá Phật giáo, mà còn là một minh chứng cho việc đem đạo vào đời, góp phần tô thêm sắc màu trong dòng chảy Phật giáo Việt Nam.

Hai là, góp phần phát triển cơ sở thờ tự

Vua Lý Thánh Tông đã ủng hộ việc xây dựng các công trình kiến trúc văn hóa, như Văn Miếu, nhằm tôn vinh Nho giáo, đồng thời, xây dựng nhiều chùa, tự viện, nhằm mục đích chính là nơi giáo dục và tu tập (xin xem bảng dưới đây).

Bảng: Các chùa và tự viện do vua Lý Thánh Tông tổ chức xây dựng

Stt	Năm	Sự kiện
1	Năm 1055	Dựng chùa Đông Lâm (TUTA nói ở Điện-lạnh) và chùa Tĩnh Lữ, ở Đông Cừu.
2	Năm 1056	Lập hội La Hán ở điện Thiên A. Dựng chùa Sùng Khánh Báo Thiên; phát 12.000 cân đồng để đúc chuông chùa. Vua tự làm bài minh khắc vào chuông. Chùa này thường gọi là chùa Báo thiên, nay ở chỗ nhà thờ lớn tại Hà Nội.
3	Năm 1057	Xây tháp Đại Thắng Tư Thiên, tức tháp chùa Báo Thiên (xem năm 1056). Tháp cao vài mươi trượng. TT chép tháp có 12 tầng, VSL chép 30 tầng chắc sai. Dựng các chùa Thiên Phúc và Thiên Thọ; đúc tượng Phạn Vương và Đế Thích để thờ ở đó.
4	Năm 1058	Vua đi xem chỗ xây tháp Đồ Sơn (tại mồm núi Đồ Sơn ngày nay).
5	Năm 1059	Dựng chùa Sùng Nghiêm Báo Đức ở châu Vũ Ninh. Vua đặt tên cho tháp Đồ Sơn là Tường Long, vì “có rồng vàng hiện ở điện Vĩnh Thọ”.
6	Năm 1063	Dựng chùa ở núi Ba Sơn để cầu tự.
7	Năm 1066	Sai lang tướng Quách Mãn dựng tháp ở núi Tiên Du.
8	Năm 1070	Dựng chùa Nhị Thiên Vương ở Đông Nam thành Thăng Long. Tháng 8, dựng (hay chữa, TT chép TU) Văn miếu; tô tượng Khổng Tử, Chu Công, tứ phối, thất thập nhị hiền để thờ. Cho hoàng thái tử ra đó học.
9	Năm 1071	Vua viết chữ Phật, cao một trượng sáu thước; khắc vào bia để tại chùa núi Tiên Du.

[Nguồn: Hoàng Xuân Hãn, 1950: 226]

Trong đó, đáng chú ý là Tháp Báo Thiên được xây dựng vào năm 1057 có tên đầy đủ là Đại Thắng Tư Thiên bảo tháp, là một công trình đậm chất nghệ thuật – kiến trúc Phật giáo. Tháp Báo Thiên là một trong “An Nam tứ đại khí”⁴ được xây dựng từ thời Lý Thánh Tông: “Tháp Báo Thiên ở chùa Sùng Khánh được xây năm 1057 đời vua Lý

Thánh Tông (cái chóp bằng đồng phía trên là công trình của Không Lộ) cao 20 trượng, 12 tầng, là một trong những công trình lớn đời Lý.” [Dẫn theo Hoàng Xuân Hãn, 1950: 226]. Công trình này được cho là một trong những tác phẩm kiến trúc tiêu biểu, là một biểu tượng cho ý chí độc lập tự cường, phát triển lớn mạnh của dân tộc Đại Việt thời bấy giờ. Tháp Báo Thiên không chỉ là một công trình kiến trúc, mà còn là một biểu tượng Phật giáo thời kỳ này.

Ngoài ra, vua Lý Thánh Tông còn cho dựng Văn Miếu (năm 1070), đây là một trong những sự kiện quan trọng trong lịch sử văn hóa và giáo dục của Việt Nam. Có thể thấy, việc lập ra Văn Miếu là một biểu hiện của sự coi trọng và phát triển giáo dục. Việc dựng Văn Miếu đã góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy giáo dục và văn hóa trong xã hội Việt Nam thời đó, đồng thời, tạo điều kiện cho việc truyền bá tri thức và giáo dục, góp phần vào việc nâng cao tri thức cho nhân dân và đào tạo trí thức cho triều đình và xã hội. Vì, *“tuy rất sùng đạo Phật và Phật giáo có lúc đã chiếm một vị trí quan trọng trong thiết chế chính trị cũng như trong đời sống xã hội thời Lý, nhưng nhà Lý đã bắt đầu chú ý tới việc đẩy mạnh học tập, thi cử, tuyển chọn những người có năng lực qua con đường Nho học, bổ sung vào bộ máy hành chính quốc gia. Vì thế, cùng với việc đề cao đạo Phật thì đạo Nho bắt đầu từ đây cũng được coi trọng. Năm 1070, nhà Lý cho dựng Văn Miếu và sau đó sáu năm (1076) nhà Lý tiếp tục cho lập Quốc Tử Giám ở kinh thành làm nơi học tập trước hết cho con em quý tộc, mở đầu nền đại học của nước ta. Vào năm 1075, trước khi lập Quốc Tử Giám, lần đầu tiên trong lịch sử, nhà Lý đã cho mở khoa thi gọi là Minh kinh bác học và Nho học tam trường để kén chọn người tài” [Trần Thị Vinh, 2013: 307 – 308]. Như vậy, Lý Thánh Tông và Ý Lan đã có đóng góp đáng kể trong việc phát triển văn hóa và tinh thần xã hội của đất nước. Lý Thánh Tông đã tạo điều kiện cho sự phát triển của Phật giáo nước nhà, không chỉ phát triển cơ sở thờ tự, mà về kiến trúc và nghệ thuật Phật giáo thời Lý.*

2.2. Đóng góp của Phật giáo vào đời sống xã hội

Vua Lý Thánh Tông và Thái hậu Ý Lan đã có những đóng góp đáng kể vào việc đưa tinh thần nhập thế của Phật giáo vào đời sống xã

hội Việt Nam. Dưới đây là một số lĩnh vực mà Phật giáo có đóng góp như sau:

Trên lĩnh vực chính trị

Trong thời Lý Thánh Tông, Phật giáo đã có ảnh hưởng đáng kể đến việc quản trị Nhà nước thông qua các giáo lý, nguyên tắc và tinh thần của Phật giáo trước những nhu cầu của xã hội, nhu cầu của chính trị để điều hành đất nước chống lại thù trong, giặc ngoài. Trên phương diện chính trị, Lý Thánh Tông và Ý Lan cũng đã có những chính sách dựa trên tinh thần đạo đức của Phật giáo. Lý Thánh Tông đã đặt ra thiết chế xã hội đức trị thể hiện sự thay đổi to lớn trong quản trị xã hội so với các giai đoạn trước. Cũng bởi là một Phật tử nên Lý Thánh Tông giàu lòng từ bi, yêu nước thương dân, do vậy, những chính sách của ông về cai trị đất nước chủ yếu sử dụng đức trị theo cả khía cạnh của Nho giáo nhưng chủ yếu thiên về Phật giáo. Đó là một nền chính trị nhân bản, được hướng đến để phục vụ con người, giáo huấn và cai trị con người theo tinh thần làm lành, tránh ác, từ bi, nhân hậu và khoan dung. Như nhận định của Quỳnh Cư và Đỗ Đức Hùng về vị vua này như sau: “*Khác với các triều đại trước, Lý Thánh Tông đem đạo vào đời, mà cuộc đời ấy, theo nhà vua, phải lấy việc phụng sự dân tộc, lấy sự đồng tâm nhất trí làm mục đích để tập trung vào các hành động thiết thực, cứu thế bằng đức tin. Vua đã tìm thấy trong Phật học triết lý sinh thành dưỡng dục theo nghĩa lâu dài nối tiếp, là phương tiện dạy cho dân hiểu mình là ai, lấy ý chí tự cường để thắng số mệnh, phụng sự cho sự phồn vinh bền vững của quốc gia*” [Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, 2005: 89]. Với sự mềm dẻo và linh hoạt cùng sự tài tình trong sử dụng tinh thần từ bi và nhân ái của Phật giáo, Lý Thánh Tông đã xây dựng chính sách xã hội và quản lý nhà nước trên nền *đức trị*.

Chính sách đối nội, đối ngoại của vua Lý Thánh Tông có sự mềm dẻo, linh hoạt: Khi vua Lý Thánh Tông cho quân đi đánh quân Chiêm Thành, mặc dù bắt được vua Chiêm và quân lính nhưng vua Lý Thánh Tông đã tha bổng, không giết ai và đồng ý đổi đất do vua *Rudravarman III* dâng: “... *Rudravarman III xin dâng đất chuộc tội. Vua Lý bằng lòng. Ba châu Bố-chánh, Địa-lý, Ma-linh thuộc Chiêm-thành từ đó nhập*

về nước ta. Nay là địa phận Quảng-bình và phía bắc Quảng-trị (18). Rudravarman III được tha về nước” [Hoàng Xuân Hãn, 2014: 58].

Với sự thấm nhuần những giá trị tốt đẹp của Phật giáo bấy giờ, không chỉ vua Lý Thánh Tông mà ngay cả Ý Lan cũng là người vừa giỏi việc nước về chính trị vừa có hiểu biết rất sâu sắc về mặt học thuật giáo lý Phật giáo. Khi Lý Thánh Tông đột ngột qua đời “*Tháng giêng năm Nhâm-tý, Thần-vũ thứ tư, vua Lý Thánh-tông mất. Ấy vào ngày Canh-dần (DL 1-2-1072), thọ 50 tuổi. Hoàng thái tử Càn-đức lên ngôi; Tức là Lý Nhân-tông*” [Hoàng Xuân Hãn, 2014: 67], Ý Lan là người đã sử dụng tài trí của mình trong công cuộc điều hành đất nước. Việc Ý Lan nhiếp chính là một sự kiện có ảnh hưởng lớn đến tư tưởng xã hội và tôn giáo thời bấy giờ.

Công trạng và tư tưởng của Thái hậu Ý Lan được tưởng nhớ và tôn vinh qua nhiều thế hệ, bà được xem là một biểu tượng của lòng nhân ái và lòng từ bi trong lịch sử Việt Nam. Thái hậu Ý Lan có nhiều đóng góp quan trọng không chỉ về Phật giáo mà còn về nhiều vấn đề khác trong xã hội và văn hóa Việt Nam thời Lý. Bà đã áp dụng triết lý Phật giáo vào việc quản lý triều đình, giải quyết xung đột khi tin rằng công bằng và lòng từ bi là những nguyên tắc cơ bản trong việc xây dựng một xã hội hòa bình và ổn định. Về quản trị đất nước, bà quan niệm: “*Muốn nước giàu dân mạnh, điều quan trọng là phải biết nghe lời can gián của đấng trung thần. Lời nói ngay nghe chướng tai nhưng có lợi cho việc làm, Thuốc đắng khó uống nhưng chữa được bệnh... Phải xem quyền hành là một thứ đáng sợ. Quyền lực và danh vọng thường làm thay đổi con người. Tự mình tu đức để giáo hóa dân thì sâu hơn mệnh lệnh. Dân bắt chước người trên thì nhanh hơn pháp luật. Muốn nước mạnh hoàng đế phải nhân từ với muôn dân. Phàm xoay cái thế thiên hạ ở nhân chứ không phải ở bạo. Hội đủ những điều ấy nước Đại Việt sẽ vô địch*” [Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, 2005: 93]. Như vậy, theo Nguyên phi Ý Lan, muốn đất nước phát triển, nên nhìn thẳng vào sự thật những lời góp ý của bậc trung thần, quan lại, mà hơn hết là bậc quân vương phải tự sửa mình cho hợp với ý trời, hợp với lòng dân. Đây có thể coi là thời kỳ “*Đạo đức Phật giáo nói chung và trong thời đại nhà Lý nói riêng đã thấm nhuần trong lòng dân tộc và xã hội. Đạo*

đức ấy đã trở thành linh hồn của nền chính trị, thành bản chất của mọi chính sách quốc gia, thành chính nghĩa và sự chính thống của chính quyền và chế độ. Chính trong phương trời chính trị nhân bản đạo đức này, trong lòng xã hội từ bi, thuần hậu này mà nước ta đã từ một quốc gia loạn lạc thành một quốc gia thái bình, từ phân hoá chia cắt thành thống trị rất đoàn kết, từ lệ thuộc, suy vi sang độc lập hưng thịnh” [Thích Nhật Mỹ, 2022: 57].

Trên lĩnh vực xã hội, an dân

Có thể thấy, cả Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan đều có những đóng góp trong vấn đề xã hội. Cả hai người đều có tấm lòng của Bồ Tát, nhà vua còn lo lắng cho cả những phạm nhân: *“Những mùa lạnh ở trong cung, ngài thường thương đến tù - phạm và những kẻ nghèo. Một năm, trời rét lắm, Thánh - tôn bảo những quân hầu - cận rằng: “Trẫm ở trong cung ăn mặc như thế này mà còn rét, nghĩ những tù - phạm phải giam trong ngục, phải trói buộc, cơm không có mà ăn, áo không có mà mặc, vả lại có người xét hỏi chưa xong, gian ngay chưa rõ, lỡ rét quá mà chết thì thật là thương lắm”* [Mật Thể, 1960: 128].

Với tư tưởng và hình mẫu về Quan Âm trong Phật giáo, lòng từ bi luôn cứu vớt tất cả chúng sinh đau khổ, nên người dân gọi Nguyên phi Ý Lan là “bà Tắm”, “Quan Âm” giàu lòng từ bi, luôn giúp đời, giúp người. Như trong lần năm 1069 khi *“nước Đại Việt không may bị lụt lớn, mùa màng thất bát, nhiều nơi sinh loạn. Nhưng nhờ có kế sách trị nước đúng đắn, quyết đoán táo bạo, loạn lạc đã được dẹp yên, dân chúng đã được cứu sống. Cảm cái ơn ấy, cũng là cách suy tôn một tài năng, nhân dân đã tôn thờ Ý Lan là Quan Âm nữ, lập bàn thờ Ý Lan”* [Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng, 2003: 93-94]. Như vậy, với tấm lòng này, chỉ có ở một con người đã thấm nhuần tư tưởng cứu khổ cứu nạn của Phật giáo, đó là những ý nguyện lớn lao.

Ở đây, có thể thấy rằng, Vua Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan là những con người kiệt xuất, tài giỏi thời bấy giờ. Họ không chỉ là những người đứng đầu đất nước Đại Việt, mà họ còn là những phật tử mộ đạo.

Nhìn lại Phật giáo thời Lý là một triều đại mà Phật giáo được đề cao, có nhiều thuận lợi để phát triển khi người lãnh đạo chủ trương dùng đạo đức Phật giáo để dưỡng tâm, trị dân. Cả vua Lý Thánh Tông

và Nguyên phi Ý Lan đã có những chính sách về xã hội đúng đắn như chăm lo cuộc sống cho dân nghèo, luôn đảm bảo họ luôn được ấm no, hạnh phúc. Để đảm bảo vấn đề xã hội, an dân, vua Lý Thánh Tông và Nguyên Phi Ý Lan đã vận dụng những yếu tố tốt đẹp của Phật giáo vào đời sống xã hội với tinh thần từ bi, thương người của bậc minh quân, vừa là một trí thức Phật giáo. Họ đã thể hiện lòng từ bi, nhân ái, hòa bình và sự tôn trọng đối với tất cả mọi người, góp phần vào việc xây dựng một xã hội với giá trị nhân văn và đạo đức cao đẹp.

3. Một vài nhận xét và kết luận

1. Phật giáo thời Lý đã có những đóng góp đáng kể trong đời sống xã hội, trong đó phải kể đến những đóng góp của Phật tử hoàng tộc mà tiêu biểu là Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan. Cả hai đều coi trọng và sùng bái Phật giáo. Đặc biệt, vua Lý Thánh Tông đã khẳng định vị thế của các vị tăng sĩ, cư sĩ trong tu tập Phật giáo qua việc sáng lập Thiền phái Thảo Đường. Đây là một đặc điểm nổi bật của Thiền phái Thảo Đường, đã tạo ra sức hút đối với đông đảo Phật tử trong hoàng tộc tham gia. Điều này đã khẳng định vị thế của Thiền phái Thảo Đường trong lịch sử Phật giáo Việt Nam. Có thể thấy, cả Lý Thánh Tông và Nguyên phi Ý Lan đã đóng góp vào việc xây dựng nhiều công trình Phật giáo quan trọng, như các ngôi chùa và tự viện. Các công trình này không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo, mà còn là trung tâm của văn hóa và giáo dục của Phật giáo. Các công trình như: Văn Miếu, chùa, tháp Báo Thiên, chùa Trấn Quốc, đền Voi Phục,... đã góp phần tạo nên những công trình tôn giáo có ý giá trị của nước Đại Việt thời Lý lúc bấy giờ.

2. Vua Lý Thánh Tông đã xây dựng một xã hội đức trị trên tinh thần Phật giáo đầy tính nhân văn, những quyết sách trên lĩnh vực chính trị đều mang tinh thần từ bi, khoan dung. Những đóng góp của vua Lý Thánh Tông trên phương diện tôn giáo là một dấu son chói lọi của Phật giáo dân tộc.

3. Nguyên phi Ý Lan vốn là một cô thôn nữ trở thành một người vợ, một Thái hậu, người Phật tử, một nhà chính trị. Lịch sử đã chứng minh những đóng góp của Nguyên phi Ý Lan trên phương diện chính trị như: Hai lần thay chồng nhiếp chính khi Lý Thánh Tông đi đánh

giặc và khi vua mất, cũng như đã có những góp ý xuất sắc cho chính sách cai trị thời Lý. Ngoài ra, cũng là một người say mê Phật giáo, nên bà đã để lại bài kệ đề đền, một áng thi ca cho Phật giáo Việt Nam với tư tưởng Phật pháp trong đó.

Như vậy, Phật giáo đã có ảnh hưởng đáng kể đến quản trị đất nước dưới thời Lý Thánh Tông thông qua việc thúc đẩy các giá trị nhân văn, đạo đức và hòa bình trong xã hội. Các nguyên tắc và tinh thần của Phật giáo đã được thể hiện trong chính sách của Nhà nước, góp phần vào việc xây dựng một xã hội văn minh và hòa bình. Trên tinh thần nhập thế hiện nay của Phật giáo nước nhà, việc đánh giá đúng vị trí, vai trò của những phật tử tiêu biểu, để lại những dấu ấn quan trọng qua các thời kỳ lịch sử, sẽ góp phần làm cho Phật giáo Việt Nam phát triển theo xu hướng của thời đại, gắn liền với phương châm: “Đạo pháp - Dân tộc - Chủ nghĩa xã hội” là mục tiêu kiên định của Giáo hội Phật giáo Việt Nam, là con đường định hướng trong thời đại mới. Vì vậy, việc nghiên cứu những đóng góp của phật tử nói chung, phật tử hoàng tộc thời Lý nói riêng hiện nay, không chỉ giúp định hướng cho mỗi cá nhân tiến đến hành động đúng mực trong hoạt động Phật giáo cũng như trong cuộc sống, mà còn giúp tránh được những tiêu cực và suy thoái đạo đức. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Hệ thống tăng quan bao gồm *Tăng thống, Tăng Lục, Tăng Chính* tương tự như của Trung Hoa [Thích Minh Trí, 2012: 173-177].
- 2 Trong sách *Thuyền Uyển Tập Anh* có ghi tên tuổi 19 người thuộc thiền phái Thảo Đường, kể cả thiền sư Thảo Đường, phân làm sáu thế hệ: Thế hệ 1: Thảo Đường. Thế hệ 2: ba người: Lý Thánh Tông, Bát Nhã, Ngô Xá. Thế hệ 3: bốn người: Ngô Ích, Thiệu Minh, Không Lộ, Định Giác. Thế hệ 4: bốn người: Đỗ Vũ, Phạm Âm, Lý Anh Tông, Đỗ Đô. Thế hệ 5: ba người: Trương Tam Tạng, Chân Huyền, Đỗ Thường. Thế hệ 6: bốn người: Hải Tịnh, Lý Cao Tông, Nguyễn Thức, Phạm Phụng Ngự” [Nguyễn Lang, 1973: 151].
- 3 Chùa Khai Quốc lập từ thời Tiền Lý (Lý Nam đế 503-548) đến thời vua Lê Thái Tông (1440-1442) đã đổi tên chùa thành An Quốc. Chùa có tên Trần Quốc là đời Lê Hy Tông (1680 - 1705). Và “Chùa Trần Quốc ban đầu có tên là chùa Khai Quốc, xây dựng vào năm 541 thuộc thời Tiền Lý. Lúc đó, chùa nằm gần bờ sông Hồng bởi vậy khi đê sạt lở vào năm 1615 (đời vua Lê Trung Hưng), chùa được di dời vào phía trong đê Yên Phụ khu gò đất Kim Ngưu. Sau đó, trong khoảng thế kỉ 17, chúa Trịnh cho đắp đê Cổ Ngự

(nay là đường Thanh Niên) để nối với đảo Kim Ngưu. Chùa đổi tên thành chùa Trần Quốc vào đời vua Lê Hy Tông (1681 - 1705) với ý nghĩa mong muốn đây sẽ là nơi giúp dân xua đi thiên tai, đem lại cuộc sống bình yên cho toàn dân. Và cái tên đó được sử dụng cho tới tận ngày nay” [*Chùa Trần Quốc - cổ tự ngàn năm tuổi bên Hồ Tây*, (2023), trên trang: <https://laodongthudo.vn/bai-2-chua-tran-quoc-co-tu-ngan-nam-tuoi-ben-ho-tay-157940.html>, ngày đăng tải 07/7/2023, truy cập 07/7/2024].

- 4 An Nam tứ đại khí gồm: Tượng Phật chùa Quỳnh Lâm (chùa Quỳnh Lâm, Đông Triều, Quảng Ninh); Tháp Báo Thiên (ở Thăng Long, Hà Nội); Chuông Quy Điền ở chùa Diên Hựu (chùa Một Cột, Hà Nội); Vạc Phổ Minh ở chùa Phổ Minh (ở Thiên Trường, Nam Định).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Thị Ngọc Anh (2023), *Dấu ấn Thảo Đường tại Đại Dương Sùng Phúc tự*, Tạp chí nghiên cứu Phật học, tháng 3, Bài đăng online: <https://tapchinhiencuuphathoc.vn/dau-an-thien-phai-thao-duong-tai-dai-duong-sung-phuc-tu.html#:~:text=gia%2C%20qu%C3%BD%20t%E1%BB%99c.-,2.,L%C3%A2m%2C%20th%C3%A0nh%20ph%E1%BB%91%20H%C3%A0%20N%E1%BB%99i>. Ngày truy cập 15/4/2023
2. Quỳnh Cư, Đỗ Đức Hùng (2005), *Các triều đại Việt Nam*, Nxb. Thanh Niên. Hà Nội.
3. Trần Đức Cường, Nguyễn Thị Thơm (2020), “Phật giáo thời Lý với đảm bảo an sinh xã hội”, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7, Hà Nội.
4. Đặng Thị Đông (2021), “Những thành tựu giáo dục của Việt Nam thời Lý – Trần: Nhìn từ góc độ lấy Phật giáo làm quốc giáo trên nền tảng giáo dục Tam giáo đồng nguyên”, *Tạp chí Khoa học và công nghệ Việt Nam*, số 63 (10) 10 (2021).
5. Hoàng Xuân Hãn (1950), *Lý Thường Kiệt, Lịch sử ngoại giao và tông giáo triều Lý*, Nxb. Sông Nhị, Hà Nội.
6. Nguyễn Trung Hiếu (2021), “Vai trò của giáo dục Phật giáo trong thời kỳ nhà Lý”, *Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội*, số 4.
7. Học viện Phật giáo Việt Nam tại Tp. HCM, Hội nghiên cứu và giảng dạy Văn học Tp. HCM, *Văn học, Phật giáo với 1000 năm Thăng Long - Hà Nội*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tài liệu in roneo.
8. Nguyễn Lang (1992), *Việt Nam Phật giáo sử luận*, Nxb. Văn Học, Hà Nội.
9. Lê Thị Hồng Liên (2021), *Đặc trưng trong tín ngưỡng thờ Nguyên phi Ỗ Lan ở Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Việt Nam học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội.
10. Thích Nhật Mỹ (2022), *Tinh thần Phật giáo và xây dựng xã hội “đức trị” thời nhà Lý*, Tạp chí nghiên cứu Phật học, số tháng 5.
11. Thành hội Phật giáo Hải Phòng (2007), *Phật học căn bản tập 3*, lưu hành nội bộ. Hải Phòng.

12. Mật Thê (1960), *Việt Nam Phật giáo sử lược*, Nxb. Minh Đức.
13. Thích Minh Trí (2012), *Quan hệ nhà nước quân chủ Lý – Trần với Phật giáo*, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội.
14. Nguyễn Minh Tường (2015), *Tổ chức bộ máy Quân chủ Việt Nam (Từ năm 939 đến năm 1884)*, Nxb. Khoa học xã hội.
15. Trần Thị Vinh (2013), *Lịch sử Việt Nam tập 2: Từ thế kỷ X đến thế kỷ XIV*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.

Abstract

CONTRIBUTIONS OF THE ROYAL BUDDHISTS TO BUDDHISM AND SOCIETY DURING THE LY DYNASTY (The case of Ly Thanh Tong and Princess Y Lan)

Nguyen Van Trang (Thich Duc Cuong)

Master's Student, Vietnam Buddhist Academy in Hanoi

Throughout the feudal dynasties of Vietnam, many royal family members loved and practiced Buddhism in every period. This is one of the important factors for Vietnamese Buddhism's growth, affirming the importance of the Central government to the development of religion in general, Buddhism in particular in each historical period. By using the approach of Religious History, the generalization method in the study of Buddhism and Religious Studies, through the study of royal Buddhists of the Ly Dynasty with two characters- Ly Thanh Tong and Princess Y Lan, the article presents the important contributions of royal Buddhists to Buddhism and society in the Ly Dynasty in particular, as well as the development process of Buddhists and Vietnamese Buddhism in general.

Keywords: Vietnamese Buddhism, Ly Dynasty, royal Buddhists, Ly Thanh Tong, Nguyen Phi Y Lan.